

## NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

# QUAN ĐIỂM KIẾN TẠO TRONG DẠY HỌC

NGUYỄN HỮU CHÂU\*

## I. QUAN NIỆM VỀ DẠY HỌC KIẾN TẠO

Bản chất của quá trình dạy học là quá trình nhận thức của học sinh, đó chính là quá trình phản ánh thế giới khách quan vào ý thức của các em. Quá trình nhận thức của học sinh về cơ bản cũng giống như quá trình nhận thức chung, tức là cũng diễn ra theo quy luật: "Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng và từ tư duy trừu tượng trở về thực tiễn". Tuy nhiên, quá trình nhận thức của học sinh lại có tính độc đáo so với quá trình nhận thức của các nhà khoa học, bởi vì được tiến hành trong những điều kiện sự phạm nhất định. Quá trình nhận thức của học sinh không phải là quá trình tìm ra cái mới cho nhân loại mà là *nhận thức được cái mới cho bản thân rút ra từ kho tàng hiểu biết chung của loài người.*

Theo những nghiên cứu của nhà tâm lý học nổi tiếng Jean Piaget về cấu trúc của quá trình nhận thức, thì trí tuệ của học sinh không bao giờ trống rỗng và nhận thức của con người ở bất cứ cấp độ nào đều thực hiện các thao tác trí tuệ thông qua hai hoạt động là *đồng hoá* và *điều ứng*. Sự đồng hoá xuất hiện như một cơ chế gìn giữ cái đã biết trong trí nhớ và cho phép người học dựa trên

những khái niệm quen biết để giải quyết tình huống mới. Đó là quá trình chủ thể tiếp nhận khách thể, tức là chủ thể dùng các kiến thức và kĩ năng sẵn có để xử lý các thông tin và tác động từ bên ngoài nhằm đạt được mục tiêu nhận thức. Sự điều ứng xuất hiện khi người học vận dụng những kiến thức và kĩ năng quen thuộc để giải quyết tình huống mới nhưng đã không thành công và để giải quyết tình huống này người học phải thay đổi, điều chỉnh, thậm chí loại bỏ những kiến thức và kinh nghiệm đã có. Khi tình huống mới đã được giải quyết thì kiến thức mới được hình thành và được bổ sung vào hệ thống kiến thức đã có.

Như vậy, quá trình nhận thức của người học về thực chất là quá trình người học *xây dựng nên những kiến thức cho bản thân* thông qua các hoạt động *đồng hoá* và *điều ứng* các kiến thức và kĩ năng đã có để thích ứng với môi trường học tập mới. Đây cũng chính là nền tảng của lý thuyết kiến tạo (constructivism) trong dạy học.

Theo Brooks (1993): "Quan điểm về kiến tạo trong dạy học khẳng

---

\*PGS.TS, Viện trưởng Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục.

định rằng học sinh cần phải tạo nên những hiểu biết về thế giới bằng cách tổng hợp những kinh nghiệm mới vào trong những cái mà họ đã có trước đó. Học sinh thiết lập nên những quy luật thông qua sự phản hồi trong mối quan hệ tương tác với những chủ thể và ý tưởng...".

Vào năm 1999 M. Briner đã viết: "Người học tạo nên kiến thức của bản thân bằng cách điều khiển những ý tưởng và cách tiếp cận dựa trên những kiến thức và kinh nghiệm đã có, áp dụng chúng vào những tình huống mới hợp thành tổng thể thống nhất giữa những kiến thức mới thu nhận được với những kiến thức đang tồn tại trong trí óc".

Mặc dù có những cách diễn đạt khác nhau về kiến tạo trong dạy học, nhưng tất cả các cách nói trên đều nhấn mạnh đến vai trò chủ động của người học trong quá trình học tập và cách thức người học thu nhận những tri thức cho bản thân. Theo những quan điểm này, người học không học bằng cách thụ nhận một cách thụ động những tri thức do người khác truyền cho một cách áp đặt, mà bằng cách đặt mình vào trong một môi trường tích cực, phát hiện ra vấn đề, giải quyết vấn đề bằng cách đồng hoá hay điều ứng những kiến thức và kinh nghiệm đã có cho thích ứng với những tình huống mới, từ đó xây dựng nên những hiểu biết mới cho bản thân.

## II. MỘT SỐ LUẬN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA LÝ THUYẾT KIẾN TẠO TRONG DẠY HỌC

Xuất phát từ quan điểm của J. Piaget về bản chất của quá trình nhận thức, các vấn đề về kiến tạo trong dạy

học đã thu hút ngày càng nhiều các công trình của các nhà nghiên cứu và xây dựng nên những lý thuyết về kiến tạo. Là một trong những người tiên phong trong việc vận dụng lý thuyết kiến tạo vào dạy học, Von Glaserfeld đã nhấn mạnh một số luận điểm cơ bản làm nền tảng của lý thuyết kiến tạo:

*1. Tri thức được tạo nên một cách tích cực bởi chủ thể nhận thức chứ không phải tiếp thu một cách thụ động từ bên ngoài.*

Quan điểm này hoàn toàn phù hợp với thực tiễn nhận thức. Ví dụ đơn giản nhất về điều này là việc "tập đi" của một đứa bé. Việc "đi" của đứa trẻ lúc đầu có thể rất khó khăn và đứa trẻ luôn vấp ngã. Nhưng dần dần qua thực tiễn đứa trẻ sẽ đi được và đồng thời rút ra những kinh nghiệm để đi mà không bị ngã. Như vậy, trẻ em "tập đi" bằng cách "đi" chứ không phải bằng cách được dạy những quy tắc để đi và thực hành chúng.

Trong dạy học điều này cũng được thể hiện rất rõ ràng. Chẳng hạn ý tưởng về quan hệ "lớn hơn" và "nhỏ hơn" được trẻ em kiến tạo nên thông qua quá trình phản ánh các hoạt động được thực hiện trên tập hợp các đồ vật, ví dụ: khi học sinh so sánh tập hợp gồm 4 chiếc kẹo với tập hợp gồm 6 chiếc kẹo hoặc tập hợp gồm 3 viên bi với tập hợp gồm 7 viên bi... Mặc dù giáo viên có thể trình diễn nhiều ví dụ khác nhau, nhưng khái niệm lớn hơn hay nhỏ hơn chỉ có thể được tạo nên trong chính tư duy của các em.

Giả thuyết của lý thuyết kiến tạo cũng hoàn toàn phù hợp với quan điểm của J. Piaget "Những ý tưởng cần

được trẻ em tạo nên chứ không phải được tìm thấy như một viên sỏi hoặc nhận được từ tay người khác như một món quà".

2. Nhận thức là một quá trình thích nghi và tổ chức lại thế giới quan của chính mỗi người. Nhận thức không phải là khám phá một thế giới độc lập đang tồn tại bên ngoài ý thức của chủ thể.

Theo quan điểm này thì nhận thức không phải là quá trình người học thụ động thu nhận những kiến thức chân lý do người khác áp đặt lên. Nếu người học được đặt trong một môi trường xã hội tích cực, thì ở đó người học có thể được khuyến khích vận dụng những tri thức và kĩ năng đã có để thích nghi với môi trường mới và từ đó xây dựng nên tri thức mới. Đây chính là quá trình nhận thức của học sinh theo quan điểm kiến tạo. Tuy nhiên, quá trình nhận thức của học sinh là một quá trình không giống với quá trình nhận thức về tự nhiên và xã hội của các nhà khoa học. Quá trình nhận thức của học sinh chỉ nhằm mục đích chủ động, tái tạo lại tri thức của nhân loại trong chính bản thân mình, hơn nữa quá trình nhận thức của học sinh lại được diễn ra trong một môi trường đặc biệt, đó là môi trường dạy học.

3. Kiến thức và kinh nghiệm mà cá nhân thu nhận phải "tương xứng" với những yêu cầu mà tự nhiên và xã hội đặt ra.

Luận điểm này định hướng cho việc dạy học theo quan điểm kiến tạo, tránh việc để người học phát triển một cách tự do dẫn đến tình trạng: hoặc là tri thức người học thu được trong quá trình

học tập là quá lạc hậu, hoặc là quá xa vời với tri thức khoa học phổ thông, không phù hợp với lứa tuổi.

4. Học sinh đạt được tri thức mới theo chu trình: Dự báo → Kiểm nghiệm → Thất bại → Thích nghi → Kiến thức mới.

Cùng với Van Glaserfeld, khi bàn đến các vấn đề của giáo dục toán học, Douglas H. Clementes và Michael T. Battista đã đưa ra một số triết lý về dạy học toán theo quan điểm kiến tạo như sau:

1. Kiến thức được trẻ em chủ động sáng tạo và phát hiện, chứ không phải thụ động tiếp nhận từ môi trường.

2. Trẻ em tạo dựng nên những kiến thức toán học mới bằng việc phản ánh thông qua các hoạt động trí tuệ và thể chất. Các ý tưởng toán học được kiến tạo hoặc làm cho có ý nghĩa khi trẻ tự gắn mình vào các cấu trúc kiến thức hiện có.

3. Sự biểu đạt về thế giới mang tính cá nhân. Những cách lý giải này được hình thành thông qua những kinh nghiệm và tương tác xã hội. Như vậy, việc học toán có thể coi là quá trình thích nghi và sắp xếp lại các cấu trúc toán học đã có của người học, không phải là phát hiện các ý tưởng có trước do người khác áp đặt.

4. Học là một quá trình xã hội trong đó trẻ em tự hoà mình vào các hoạt động trí tuệ của những người xung quanh. Các khái niệm và chân lý đều được các thành viên trong một nền văn hoá hợp tác tạo thành. Như vậy, một lớp học mang tính kiến tạo phải được xem như một môi trường văn hoá mà ở đó

người học không chỉ tham gia vào việc khám phá, phát minh, mà còn tham gia vào cả quá trình xã hội bao gồm việc giải thích, trao đổi và đánh giá.

Mặc dù cách phát biểu về những luận điểm của các tác giả có sự khác nhau, nhưng có thể thấy những điểm chung là:

- Tri thức là sản phẩm của hoạt động phát hiện và sáng tạo của chính người học. Học là quá trình phát hiện và sáng tạo một cách tích cực của chủ thể nhận thức, không phải là sự tiếp thu một cách thụ động từ giáo viên.

- Nhận thức là quá trình tổ chức lại thế giới quan của chính người học thông qua hoạt động trí tuệ và thể chất.

- Học là một quá trình có tính xã hội, thể hiện ở hai khía cạnh: Học là một quá trình đáp ứng yêu cầu của xã hội và quá trình nhận thức của trẻ chịu ảnh hưởng của các tương tác xã hội.

### III. HAI LOẠI KIẾN TẠO TRONG DẠY HỌC

Xuất phát từ bản chất của kiến tạo trong dạy học, nhiều nhà nghiên cứu trong đó có Paul Ernest đã phân chia kiến tạo trong dạy học thành hai loại:

#### 1. Kiến tạo cơ bản (Radical Constructivism)

Trong cách phân chia này kiến tạo cơ bản là một quan điểm nhận thức, nhấn mạnh tới *cách thức các cá nhân xây dựng tri thức cho bản thân trong quá trình học tập*.

Nerida F. Ellerton và M.A. Clementes cũng cho rằng: "Tri thức được kiến tạo một cách cá nhân thông qua cách thức hoạt động của mỗi cá

nhân". Điều này cũng phù hợp với luận điểm của Ernst Von Glaserfeld: "Kiến thức là kết quả của hoạt động kiến tạo của chính chủ thể nhận thức, không phải là thứ sản phẩm mà bằng cách này hay cách khác tồn tại bên ngoài chủ thể nhận thức và có thể được truyền đạt hoặc thẩm nhận bởi sự cân cù nhận thức hoặc giao tiếp".

Như vậy, có thể nói *kiến tạo cơ bản đề cao vai trò của mỗi cá nhân trong quá trình nhận thức và cách thức cá nhân xây dựng tri thức cho bản thân. Kiến tạo cơ bản quan tâm đến quá trình chuyển hoá bên trong của cá nhân trong quá trình nhận thức. Kiến tạo cơ bản coi trọng thế giới kinh nghiệm của người học trong quá trình người học hình thành thế giới quan khoa học cho mình. Sự nhấn mạnh tới kiến tạo cơ bản trong dạy học là sự nhấn mạnh tới vai trò chủ động của người học nhưng cũng nhấn mạnh tới sự cô lập về tổ chức nhận thức của người học. Sự chủ động của mỗi cá nhân trong quá trình học thể hiện rõ trong giả thuyết "Nhận thức là quá trình người học thích nghi với môi trường thông qua các hoạt động đồng hoá và điều ứng các tri thức và kinh nghiệm sẵn có của mình sao cho thích ứng. Trong quá trình này chủ thể nhận thức suy nghĩ để loại bỏ những quan niệm cũ không phù hợp nữa và chọn lọc những tri thức mới, đúng và phù hợp với môi trường để hình thành tri thức mới, phù hợp với thế giới khách quan. Tri thức mới được hình thành bao gồm cả quá trình loại bỏ, kế thừa và phát triển các quan niệm sẵn có của người học. Trong khi đó sự cô lập về tổ chức nhận thức của người học thể hiện ở chỗ: kiến tạo cơ bản chỉ tập trung quan tâm đến*

vai trò của chủ thể trong quá trình nhận thức mà không thấy được vai trò và những tác động của những yếu tố xã hội khác đối với quá trình nhận thức".

Từ những phân tích trên có thể thấy, kiến tạo cơ bản có những mặt mạnh và mặt yếu sau:

- Kiến tạo cơ bản khẳng định vai trò chủ động của người học trong quá trình nhận thức. Người học tự xây dựng nên tri thức cho bản thân mình trong quá trình học tập, do vậy, họ trở thành người sở hữu những tri thức đó. Về điều này Ellerton và Clementes đã khẳng định "...Điểm mạnh quan trọng nhất của kiến tạo cơ bản trong giáo dục là con đường tự tìm kiếm kiến thức để tạo nên "quyền sở hữu" hoàn toàn xác đáng cho người học. Tuy nhiên, với sự coi trọng quá mức kiến tạo cơ bản, người học bị đặt trong tình trạng cô lập và kiến thức xây dựng được sẽ thiếu tính xã hội".

## 2. Kiến tạo xã hội (Social Constructivism)

Theo Nor Joharuddeen Mohd nor, kiến tạo xã hội là quan điểm nhấn mạnh đến vai trò của các yếu tố văn hoá và các điều kiện xã hội và sự tác động của các yếu tố đó đến sự hình thành kiến thức. Quan điểm này được xây dựng dựa trên các tư tưởng cơ bản sau:

1. Tri thức được cá nhân tạo nên phải "xứng đáng" với các yêu cầu của tự nhiên và thực trạng xã hội đặt ra.

2. Người học đạt được các tri thức mới bởi quá trình nhận thức: *Dự báo* → *Kiểm nghiệm* → *Thất bại* → *Thích nghi* → *Tri thức mới*.

Kiến tạo xã hội xem xét cá nhân

trong mối quan hệ chặt chẽ với các lĩnh vực xã hội. Nhân cách của chủ thể được hình thành thông qua sự tương tác của họ với những người khác. Kiến tạo xã hội cũng nhìn nhận chủ thể nhận thức trong mối quan hệ sống động với môi trường xã hội. Kiến tạo xã hội không nhấn mạnh một cách cô lập tiềm năng tư duy mang tính cá nhân. Thay vào đó nó nhấn mạnh đến khả năng tiềm ẩn là *con người* trong sự đối thoại. Tư duy được xem như một phần của hoạt động mang tính xã hội của cá nhân.

Quan điểm kiến tạo trong dạy học đồng thời cũng nhấn mạnh những luận điểm sau:

- Nhân loại cùng nhau khám phá thế giới và xây dựng nên kho tàng tri thức. Những tri thức khách quan đều mang tính xã hội.

- Tri thức là sản phẩm của con người và được kiến tạo cả về mặt xã hội và văn hoá. Mỗi cá nhân làm cho nó có ý nghĩa thông qua sự tương tác với người khác và với môi trường mà họ đang sống. Paul Ernest cũng đã cho rằng: "Các tri thức khách quan được cá nhân kiến tạo thông qua mối quan hệ tương tác của họ với giáo viên và với bạn học tạo thành tri thức chủ quan mang tính cá nhân". Ông cũng cho rằng theo quan điểm của kiến tạo xã hội, tri thức khách quan mang tính xã hội không được chứa đựng trong sách vở hoặc các phương tiện ghi nhớ khác, cũng không phải trong những ý tưởng. Tri thức khách quan tồn tại trong việc chia sẻ những luật lệ, những thảo luận, những sự am hiểu và những chia sẻ của cá nhân với các thành viên trong xã hội,

trong mối quan hệ tương tác của họ. Tri thức khách quan không ngừng được sáng tạo lại và được thay thế bằng sự lớn mạnh của tri thức chủ quan trong tư duy của vô số cá nhân.

- Nền tảng của tri thức là ngôn ngữ với những qui ước, qui tắc và ngôn ngữ là yếu tố mang tính xã hội.

- Những quá trình tương tác xã hội giữa các cá nhân dẫn tới các tri thức chủ quan của mỗi cá nhân, những tri thức chủ quan đó sau khi được xã hội thừa nhận thì nó trở thành tri thức khách quan.

- Việc học được kiến tạo một cách tích cực dựa trên việc đưa ra vấn đề, giải quyết vấn đề, sự khám phá mang ý nghĩa cộng tác.

Tóm lại, có thể thấy các nhà kiến tạo xã hội xem việc học là một quá trình xã hội. Học tập không phải là một quá trình chỉ diễn ra trong đầu óc con người, không phải là một sự phát triển thụ động về các hành vi của con người mà được hình thành bởi những tác động bên ngoài. Việc học chỉ có ý nghĩa khi các cá nhân bị thu hút vào các hoạt động mang tính xã hội.

#### IV. VAI TRÒ CỦA NGƯỜI HỌC VÀ NGƯỜI DẠY TRONG QUÁ TRÌNH KIẾN TẠO

Quan điểm của kiến tạo cơ bản và kiến tạo xã hội đều khẳng định và nhấn mạnh vai trò trung tâm của người học trong quá trình dạy học thể hiện ở những điểm sau:

- Người học phải chủ động và tích cực trong việc đón nhận tình huống học tập mới. Chủ động trong việc huy động những kiến thức, kỹ năng đã có vào khám phá tình huống học tập mới.

- Người học phải chủ động bộc lộ những quan điểm và những khó khăn của mình khi đứng trước tình huống học tập mới.

- Người học phải chủ động và tích cực trong việc thảo luận, trao đổi thông tin với bạn học và với giáo viên. Việc trao đổi này phải xuất phát từ nhu cầu của chính họ trong việc tìm những giải pháp để giải quyết tình huống học tập mới hoặc khám phá sâu hơn các tình huống đó.

- Người học phải tự điều chỉnh lại kiến thức của bản thân sau khi đã lĩnh hội được các tri thức mới, thông qua việc giải quyết các tình huống trong học tập.

Cuối cùng cần nói rằng, tuy đề cao vai trò trung tâm của người học trong quá trình dạy học, nhưng quan điểm dạy học kiến tạo không làm lu mờ "vai trò tổ chức và điều khiển quá trình dạy học" của giáo viên. Trong dạy học kiến tạo, thay cho việc nỗ lực giảng giải, thuyết trình nhằm truyền thụ tri thức cho học sinh, giáo viên phải là người chuyển hoá các tri thức khoa học thành các tri thức dạy học với việc xây dựng các tình huống dạy học chứa đựng các tri thức cần lĩnh hội, tạo dựng nên các môi trường mang tính xã hội để học sinh kiến tạo nên kiến thức của mình. ♣